

Số: 01/2019/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 05 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 122/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ Quy định tổ chức làm công tác thi đua khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT- BNV- BTC- BLĐTB&XH, ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Xét Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND-PC ngày 20 tháng 6 năm

2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2019.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa VIII về việc quy định một số chức danh và chế độ chính sách những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 17/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *nhb*



Trần Tuệ Hiền

Trần Tuệ Hiền



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố.
3. Công an viên Thường trực ở xã.
4. Công an viên và phụ trách Quân sự ở thôn, ấp, khu phố.
5. Phụ trách công tác thi đua khen thưởng ở cấp xã.

Chương II

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ

Mục 1

SỐ LƯỢNG VÀ CHỨC DANH

Điều 3. Số lượng

Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn:

- Loại I: tối đa 14 người;
- Loại II: tối đa 12 người;
- Loại III: tối đa 10 người.

Điều 4. Chức danh

1. Xã, phường, thị trấn loại III bố trí tối đa 10 chức danh sau:

- a) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- b) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- c) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- d) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- đ) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- e) Văn phòng Đảng ủy;
- h) Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ;
- i) Trưởng ban Thanh tra nhân dân;
- k) Phó Trưởng Công an xã:

- Bố trí 01 Phó Trưởng Công an ở những xã chưa bố trí lực lượng Công an chính quy;

- Đối với phường, thị trấn và những xã đã bố trí lực lượng Công an chính quy (*không bố trí chức danh Phó Trưởng Công an xã*) thì bố trí chức danh Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông - Lâm nghiệp.

l) Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

2. Xã, phường, thị trấn loại II được bố trí tối đa 12 chức danh, gồm 10 chức danh quy định tại khoản 1, Điều 4 và bố trí thêm 02 chức danh sau:

a) 01 Phó Trưởng Công an xã đối với những xã loại II chưa bố trí lực lượng Công an chính quy. Đối với phường, thị trấn và những xã loại II đã bố trí lực lượng Công an chính quy (*không bố trí chức danh Phó Trưởng Công an xã*) thì bố trí chức danh phụ trách công tác Dân tộc - Tôn giáo;

b) 01 Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự đối với những xã, phường, thị trấn loại II trọng điểm về quốc phòng, an ninh. Đối với xã, phường, thị trấn loại II không phải là xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh (*không bố trí chức danh Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã*) thì bố trí chức danh giúp việc Hội đồng nhân dân cấp xã.

3. Xã, phường, thị trấn loại I được bố trí tối đa 14 chức danh, gồm 10 chức danh quy định tại khoản 1, Điều 4 và bố trí thêm 04 chức danh sau:

a) 01 Phó Trưởng Công an xã đối với những xã loại I chưa bố trí lực lượng Công an chính quy. Đối với phường, thị trấn và những xã loại I đã bố trí lực lượng Công an chính quy (*không bố trí chức danh Phó Trưởng Công an xã*) thì bố trí chức danh Phụ trách Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa;

b) 01 Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đối với những xã, phường, thị trấn loại I trọng điểm về quốc phòng, an ninh;

c) Phụ trách công tác Dân tộc - Tôn giáo;

d) Giúp việc Hội đồng nhân dân cấp xã.

4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc phân công công tác đối với nhiệm vụ của các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã chưa được bố trí, đảm bảo công việc, nhiệm vụ nào cũng có người đảm nhận.

Mục 2 CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Điều 5. Khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Khoán quỹ phụ cấp bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, như sau:

1. Loại I được khoán quỹ phụ cấp bằng 16,0 lần mức lương cơ sở;
2. Loại II được khoán quỹ phụ cấp bằng 13,7 lần mức lương cơ sở;
3. Loại III được khoán quỹ phụ cấp bằng 11,4 lần mức lương cơ sở.

Điều 6. Mức phụ cấp của chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (bao gồm cả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế).

1. Chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xã loại I được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng **1,18** lần mức lương cơ sở.
2. Chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xã loại II được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng **1,16** lần mức lương cơ sở.
3. Các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã còn lại quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3, Điều 4 được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng **1,14** lần mức lương cơ sở.

Điều 7. Phụ cấp kiêm nhiệm

1. Cán bộ, công chức cấp xã và các đối tượng khác kiêm nhiệm một trong các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà giảm được 01 người trong số lượng các chức danh quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3, Điều 4 thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng **50%** mức phụ cấp quy định tại Điều 6. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

2. Hệ số phụ cấp còn dư do thực hiện việc kiêm nhiệm chức danh được chi hỗ trợ thêm đều cho các chức danh còn lại không thực hiện việc kiêm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

3. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh và phụ cấp chi hỗ trợ thêm cho các chức danh do thực hiện việc kiêm nhiệm không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Mục 3 MỘT SỐ CHẾ ĐỘ KHÁC

Điều 8. Bảo hiểm xã hội và hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Bảo hiểm xã hội

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, việc tham gia đóng bảo hiểm và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13.

2. Hỗ trợ thôi việc

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã công tác trong thời gian từ ngày thành lập tỉnh Bình Phước 01 tháng 01 năm 1997 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2016, khi nghỉ việc được hỗ trợ thôi việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hưởng một tháng mức phụ cấp hiện hưởng;

b) Chế độ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời gian công tác từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trở đi do Bảo hiểm xã hội giải quyết;

c) Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể việc hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Điều 9. Hỗ trợ thêm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do thực hiện việc tinh giản các chức danh, nghỉ việc theo nguyện vọng diện dôi dư do sắp xếp chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thôi việc do thực hiện tinh giản chức danh hoặc nghỉ việc theo nguyện vọng diện dôi dư do sắp xếp chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã ngoài chế độ thôi việc được hưởng theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8 Quy định này, cứ mỗi năm công tác (*tính từ ngày có quyết định thôi việc trở về trước*) còn được hỗ trợ thêm 50% mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh đang đảm nhận. Mức hỗ trợ tối đa không quá 6 tháng mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh đang đảm nhận.

Chương III

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, ẤP, KHU PHỐ

Mục 1

SỐ LƯỢNG VÀ CHỨC DANH

Điều 10. Số lượng

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước.

Điều 11. Chức danh

Mỗi thôn, ấp, khu phố được bố trí không quá 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước, như sau:

1. Bí thư Chi bộ thôn, ấp, khu phố.
2. Trưởng thôn, ấp, khu phố.
3. Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố.

Mục 2

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Điều 12. Khoản quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố

Khoán quỹ phụ cấp bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm y tế bằng 3,0 lần mức lương cơ sở để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố. Riêng đối với thôn, ấp có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn, ấp, thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, thôn, ấp thuộc xã biên giới được khoán quỹ phụ cấp bằng 5,0 lần mức lương cơ sở. Mức khoán quỹ phụ cấp trên chỉ để chi phụ cấp hàng tháng cho 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố được quy định tại Điều 11 quy định này.

Điều 13. Mức phụ cấp của chức danh người hoạt động không chuyên trách ở ở thôn, ấp, khu phố

1. Đối với thôn, ấp có dưới 350 hộ gia đình; những thôn, ấp không thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, thôn, ấp không thuộc xã biên giới và các khu phố thuộc phường và thị trấn được hưởng mức phụ cấp hàng tháng như sau:

a) Bí thư chi bộ được hưởng mức phụ cấp bằng 1,1 lần mức lương cơ sở/tháng (bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm y tế);

b) Các chức danh: Trưởng thôn, ấp, khu phố và Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố được hưởng mức phụ cấp bằng 0,95 lần mức lương cơ sở/người/tháng (bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm y tế);

2. Đối với thôn, ấp có từ 350 hộ gia đình trở lên; những thôn, ấp thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và các thôn, ấp thuộc xã biên giới mức phụ cấp hàng tháng như sau:

- Bí thư chi bộ được hưởng mức phụ cấp bằng 1,70 lần mức lương cơ sở/tháng (bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm y tế);

- Các chức danh: Trưởng thôn, ấp và Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp được hưởng mức phụ cấp bằng 1,65 lần mức lương cơ sở/người/tháng (bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm y tế).

Điều 14. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố

Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác kiêm nhiệm một trong các chức danh ở thôn, ấp, khu phố mà giám được 01 người trong số các chức danh quy định tại Điều 11 Nghị quyết này thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp theo chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

Điều 15. Hỗ trợ thêm hệ số phụ cấp còn dư do việc thực hiện kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố

1. Hỗ trợ thêm hệ số phụ cấp do thực hiện kiêm nhiệm còn dư đối với các chức danh ở thôn, ấp có dưới 350 hộ gia đình; những thôn, ấp không thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, ấp không thuộc xã biên giới và các khu phố thuộc phường và thị trấn.

a) Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm chức danh Bí thư Chi bộ thôn, ấp, khu phố;

Sau khi thực hiện chi phụ cấp kiêm nhiệm, hệ số phụ cấp còn dư bằng 0,55 mức lương cơ sở, được chi hỗ trợ thêm cho các chức danh: Trưởng thôn, ấp, khu phố và Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố (*ngoài hệ số phụ cấp được hưởng quy định tại khoản 1, Điều 13*) hàng tháng bằng 0,275 lần mức lương cơ sở.

b) Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Bí thư Chi bộ thôn, ấp, khu phố; các đối tượng khác kiêm nhiệm chức danh Trưởng thôn, ấp, khu phố hoặc kiêm nhiệm chức danh Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố.

Sau khi thực hiện phụ cấp kiêm nhiệm, hệ số phụ cấp còn dư bằng 0,475 mức lương cơ sở, chi hỗ trợ thêm phụ cấp cho các chức danh sau:

- Bí thư Chi bộ thôn, ấp, khu phố kiêm nhiệm Trưởng thôn, ấp, khu phố hoặc kiêm nhiệm Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố (*ngoài hệ số phụ cấp được hưởng quy định tại khoản 1, Điều 13 và mức phụ cấp kiêm nhiệm được hưởng theo quy định tại Điều 14 quy định này*) hàng tháng được hỗ trợ thêm phụ cấp bằng 0,250 lần mức lương cơ sở;

- Số dư còn lại 0,225 mức lương cơ sở hỗ trợ thêm cho một trong hai chức danh Trưởng thôn, ấp, khu phố hoặc chức danh Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố không thực hiện việc kiêm nhiệm.

2. Hỗ trợ thêm hệ số phụ cấp còn dư sau khi thực hiện chế độ kiêm nhiệm đối với các chức danh ở thôn, ấp có từ 350 hộ gia đình trở lên; những thôn, ấp thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và các thôn, ấp thuộc xã biên giới như sau:

a) Cán bộ, công chức cấp xã, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm chức danh Bí thư Chi bộ thôn, ấp;

Sau khi thực hiện chi phụ cấp kiêm nhiệm, hệ số phụ cấp còn dư bằng 0,85 mức lương cơ sở, được chi hỗ trợ thêm phụ cấp cho chức danh: Trưởng thôn, ấp và Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp (*ngoài hệ số phụ cấp được hưởng quy định khoản 2, Điều 13*) hàng tháng mỗi chức danh bằng 0,425 lần mức lương cơ sở.

b) Cán bộ, công chức cấp xã; chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Bí thư Chi bộ thôn, ấp, khu phố; các đối tượng khác kiêm nhiệm chức danh Trưởng thôn, ấp, khu phố hoặc kiêm nhiệm chức danh Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố.

Sau khi thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm, hệ số phụ cấp còn dư bằng 0,825 lần mức lương cơ sở, chi hỗ trợ thêm phụ cấp cho các chức danh sau:

- Bí thư Chi bộ thôn, ấp kiêm nhiệm một trong hai chức danh trên (*ngoài hệ số phụ cấp được hưởng quy định tại khoản 2, Điều 13 và mức phụ cấp kiêm nhiệm được hưởng theo quy định quy tại Điều 13*) hàng tháng được hỗ trợ thêm phụ cấp bằng 0,425 lần mức lương cơ sở;

- Số dư còn lại 0,400 mức lương cơ sở hỗ trợ thêm cho một trong hai chức danh Trưởng thôn, ấp hoặc chức danh Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp không thực hiện việc kiêm nhiệm.

c) Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh và phụ cấp chi hỗ trợ thêm cho các chức danh do thực hiện việc kiêm nhiệm không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm y tế.

Mục 3

MỘT SỐ CHẾ ĐỘ KHÁC

Điều 16. Hỗ trợ thôi việc đối với các chức danh ở thôn, ấp, khu phố

Các chức danh ở thôn, ấp, khu phố công tác trong thời gian từ ngày thành lập tỉnh Bình Phước 01 tháng 01 năm 1997 trở đi, khi nghỉ việc được hỗ trợ thôi việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hỗ trợ một tháng mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh đang đảm nhận.

Điều 17. Hỗ trợ thêm cho ba chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố tại Điều 11 Quy định này thôi việc do thực hiện việc tinh giản các chức danh, nghỉ việc theo nguyện vọng diện dôi dư do sắp xếp chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố

Ba chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố theo quy định tại Điều 11 Quy định này thôi việc do thực hiện tinh giản chức danh hoặc nghỉ việc theo nguyện vọng diện dôi dư do sắp xếp chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố ngoài chế độ thôi việc được hưởng theo quy định tại Điều 16 quy định này, cứ mỗi năm công tác (tính từ ngày có quyết định thôi việc trở về trước) còn được hỗ trợ thêm bằng 50% tháng mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh đang đảm nhận.

Mức hỗ trợ tối đa đối với các chức danh trên không vượt quá 6 tháng mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh đang đảm nhận.

Chương IV

KHOẢN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CHO CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở CẤP XÃ VÀ MỨC BỒI DƯỠNG NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA CÔNG VIỆC Ở THÔN, ẤP, KHU PHỐ

Điều 18. Khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Cấp xã loại I: 25 triệu đồng/năm, cấp xã loại II và cấp xã loại III: 22 triệu đồng/năm.
2. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Cấp xã loại I: 22 triệu đồng/năm, cấp xã loại II và cấp xã loại III: 19 triệu đồng/năm.
3. Hội Liên hiệp Phụ nữ: Cấp xã loại I: 25 triệu đồng/năm, cấp xã loại II và cấp xã loại III: 22 triệu đồng/năm.
4. Hội Nông dân: Cấp xã loại I: 20 triệu đồng/năm, cấp xã loại II và cấp xã loại III: 18 triệu đồng/năm.
5. Hội Cựu chiến binh: Cấp xã loại I: 18 triệu đồng/năm, cấp xã loại II và cấp xã loại III: 16 triệu đồng/năm.

Điều 19. Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, ấp, khu phố

Người trực tiếp tham gia công việc của thôn, ấp, khu phố được bồi dưỡng 250.000 đồng/tháng/người.

Ngoài ra, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, ấp, khu phố còn được hưởng mức bồi dưỡng từ đoàn phí, hội phí và từ các nguồn thu khác (nếu có).

Chương V

CHỨC DANH CÔNG AN, QUÂN SỰ, THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 20. Số lượng, chức danh và chế độ chính sách đối với lực lượng Công an xã, lực lượng Quân sự ở cấp xã; ở thôn, ấp, khu phố và chức danh phụ trách công tác thi đua khen thưởng ở cấp xã

1. Chức danh Công an viên thường trực ở xã

Ở mỗi xã được bố trí 03 (ba) Công an viên làm nhiệm vụ thường trực 24/24 giờ tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã hoặc nơi làm việc của Công an xã, xếp mức phụ cấp bằng 1,0 mức lương cơ sở.

2. Chức danh Công an viên và chức danh phụ trách Quân sự ở mỗi thôn, ấp, khu phố được bố trí như sau:

a) 01 (một) chức danh Công an viên thôn, ấp, khu phố; đối với thôn, ấp, khu phố thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại I và xã loại II được bố trí không quá 02 (hai) Công an viên, mỗi Công an viên được hưởng phụ cấp bằng 0,6 mức lương cơ sở/tháng.

b) 01 (một) chức danh phụ trách Quân sự gọi là Thôn đội trưởng được hưởng phụ cấp bằng 0,6 mức lương cơ sở/tháng.

Điều 21. Chức danh phụ trách công tác thi đua khen thưởng ở cấp xã

Mỗi xã, phường, thị trấn được bố trí 01 (một) chức danh công chức cấp xã kiêm nhiệm công tác thi đua khen thưởng, được hưởng hệ số phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng bằng 0,5 mức lương cơ sở.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách

1. Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm thuộc các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 13, Điều 14, Điều 15 quy định này nằm trong mức khoán kinh phí chi phụ cấp cho các chức danh không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, ấp, khu phố.

2. Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp thôi việc; kinh phí hỗ trợ thêm cho người hoạt động không chuyên trách do thực hiện việc tinh giản các chức danh, nghỉ việc theo nguyện vọng diện dôi dư do sắp xếp chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, ấp, khu phố; kinh phí chi phụ cấp cho lực lượng Công an viên thường trực ở xã; kinh phí chi cho chức danh Công an viên, chức danh Thôn đội trưởng ở thôn, ấp, khu phố và kinh phí chi phụ cấp kiêm

nhệm chức danh thi đua khen thưởng ở cấp xã thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Kinh phí chi bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, ấp, khu phố từ kinh phí hoạt động thường xuyên của xã, phường, thị trấn đã được khoán theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên cơ sở nguồn kinh phí và tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã quy định cụ thể đối tượng, số lượng người trực tiếp tham gia công việc thường xuyên ở thôn, ấp, khu phố”.

4. Kinh phí thực hiện khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã từ nguồn khoán chi hoạt động thường xuyên cho các xã, phường, thị trấn (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương).

5. Mức phụ cấp hàng tháng của các chức danh quy định trên được thay đổi khi nhà nước thay đổi mức lương cơ sở.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc sắp xếp các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố quy định tại Quy định này thực hiện hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. Áp dụng các quy định về hỗ trợ thêm cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố thôi việc do thực hiện việc tinh giản các chức danh, nghỉ việc theo nguyện vọng diện dôi dư do sắp xếp chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố quy định tại Điều 9 và Điều 17 Quy định này cho các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố đã nghỉ việc do sắp xếp tổ chức theo Đề án 999 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh./.



Trần Tuệ Hiền